

Số: 150/TB-THHTĐ

Hồng Thái Đông, ngày 14 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai các Quyết định Quản lý, sử dụng tài sản công 6 tháng đầu năm và Thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm; Quyết định, Kế hoạch tuyển sinh lớp 1 năm học 2022-2023

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 “Nghị định về thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập” của Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính “Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGD&ĐT ngày 19/05/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 28/2020/TT- BGDDT ngày 04/09/2020 Thông tư ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Công văn số 1018/PGD&ĐT ngày 07/09/2021 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học, năm học 2021-2022;

Căn cứ vào kế hoạch số 232/KH-THHTĐ ngày 20/08/2021 của Trường TH Hồng Thái Đông về việc Thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2021-2022;

Căn cứ kế hoạch số 236/KH-THHTĐ ngày 26/8/2021 của Trường TH Hồng Thái Đông về việc thực hiện quy chế công khai năm học 2021-2022;

Căn cứ kế hoạch số 317/KH-THHTĐ ngày 09/10/2021 của Trường TH Hồng Thái Đông về việc Thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-THHTĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông về việc công khai các Quyết định Quản lý, sử dụng tài sản công 6 tháng đầu năm và Thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm;

Quyết định, Kế hoạch tuyển sinh lớp 1 năm học 2022-2023 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông:

I. Trường Tiểu học Hồng Thái Đông thông báo công khai các Quyết định Quản lý, sử dụng tài sản công 6 tháng đầu năm và Thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm; Quyết định, Kế hoạch tuyển sinh lớp 1 năm học 2022-2023; Báo cáo kết quả công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực của trường Tiểu học Hồng Thái Đông cụ thể như sau:

1. Quyết định Quản lý, sử dụng tài sản công 6 tháng đầu năm và Thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm;

2. Quyết định, Kế hoạch tuyển sinh lớp 1 năm học 2022-2023;

II. Thời gian công khai: 30 ngày (từ ngày 14/07/2022 đến ngày 14/08/2022)

III. Địa điểm công khai: Bảng thông báo, trang web của nhà trường.

Trên đây là Thông báo công khai các Quyết định Quản lý, sử dụng tài sản công 6 tháng đầu năm và Thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm. Quyết định, Kế hoạch tuyển sinh lớp 1 năm học 2022-2023 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông.

Nơi nhận:

- CBGV-NV(n/b);

- Lưu: HSCK.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Quế Nga

Số: 145/KH-THHTD

Đông Triều, ngày 11 tháng 7 năm 2022

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH VÀO LỚP 1 NĂM HỌC 2022-2023

Căn cứ vào Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND thị xã Đông Triều về việc phân vùng tuyển sinh lớp 1, lớp 6 năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn số 718/KH-PGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều triển khai Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 1 Tiểu học, lớp 6 THCS năm học 2022-2023;

Căn cứ kết quả điều tra số trẻ trong độ tuổi 2016 tuyển sinh trên địa bàn xã Hồng Thái Đông khu vực nhà trường phụ trách phổ cập và số liệu tuyển sinh của nhà trường đã duyệt kế hoạch phát triển năm học 2022-2023;

Căn cứ vào tình hình thực tế về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, giáo viên của nhà trường;

Trường Tiểu học Hồng Thái Đông xây dựng kế hoạch tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2022-2023 cụ thể như sau:

1. Mục đích, yêu cầu.

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi trên địa bàn theo đúng tuyển sinh vào học lớp 1, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh. Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo: tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

- Tổ chức tuyển sinh đúng quy chế, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, thuận lợi cho học sinh và cha mẹ HS, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương tăng chất lượng công tác tuyển sinh, tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường, giảm số học sinh trái tuyển, giảm số học sinh trên một lớp, giảm số lớp đối với những trường có số lớp quá lớn.

- Tăng số học sinh được học 02 buổi/ngày.

- Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm trước Phòng GD&ĐT và UBND phường về công tác tuyển sinh của đơn vị mình.

2. Nội dung.

2.1. Hình thức tuyển sinh.

- *Tuyển sinh trực tuyến:* Từ ngày 14/07/2022 đến ngày 24/07/2022. Các

bậc phụ huynh truy cập vào địa chỉ: <http://tsdaucap.dongtrieu.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh> để hướng dẫn đăng ký tuyển sinh trực tuyến.

- **Tuyển sinh trực tiếp:** Từ ngày 14/07/2022 đến hết ngày 24/07/2022: Nhà trường tiếp nhận và duyệt hồ sơ đăng ký tuyển sinh trực tiếp.

2.2. Đối tượng tuyển sinh.

Trẻ 06 tuổi sinh năm 2016, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào lớp 1 ở độ tuổi từ 07 tuổi đến 09 tuổi, trẻ em khuyết tật có thể học lớp 1 ở độ tuổi từ 07 đến 14 tuổi. Trong trường hợp đặc biệt (*trẻ quá độ tuổi phải phổ cập nhưng chưa được học lớp 1 vượt quá 3 tuổi*) căn cứ nguyện vọng của gia đình nhà trường sẽ xem xét và xin ý của Trường phòng GD&ĐT quyết định.

2.3. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh.

- Chỉ tiêu: 154 học sinh/06 lớp.

- Địa bàn tuyển sinh: Là học sinh có hộ khẩu thuộc 05 thôn hành chính: Thôn Vĩnh Thái; thôn Yên Dưỡng; thôn Thượng Thông; thôn Tân Lập; thôn Tân Yên tại địa bàn xã Hồng Thái Đông.

2.4. Thời gian, Địa điểm tuyển sinh.

- Tổ chức tuyển sinh từ ngày 14/07/2022 đến hết ngày 24/07/2022.

- Tại Trường Tiểu học Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh.

2.5. Quy định về hồ sơ của học sinh.

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (*Bản sao có dấu đỏ hoặc bản phô tô công chứng của các cấp có thẩm quyền*) kèm bản chính để đối chiếu.

- Bản phô tô sổ hộ khẩu, Phiếu xác nhận cư trú hoặc giấy hẹn đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu của Công an (*không cần công chứng, kèm theo sổ hộ khẩu gốc hoặc phiếu xác nhận cư trú*). Nhà trường không tiếp nhận các trường hợp có sổ hộ khẩu hoặc phiếu xác nhận cư trú không hợp lệ.

- Bản sao hợp lệ giấy xác nhận đối với trẻ thuộc khuyết tật, tự kỉ, trẻ có hoàn cảnh khó khăn do UBND phường cấp hoặc cơ quan có thẩm quyền công nhận (*nếu có*)

2.6. Quy trình tuyển sinh.

- **Tuyển sinh trực tuyến:**

Bước 1: Phụ huynh học sinh truy cập vào địa chỉ:

<http://tsdaucap.dongtrieu.edu.vn/dang-ky-tuyen-sinh>

Bước 2: Điền các thông tin về đối tượng tuyển sinh theo hướng dẫn trên hệ thống.

Bước 3: Mang các hồ sơ theo quy định đến trường đăng ký tuyển sinh để hoàn thành thủ tục nhập học.

- **Tuyển sinh trực tiếp:**

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh từ phía phụ huynh học sinh.

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ.

Bước 3: Thông báo kết quả tuyển sinh tới phụ huynh học sinh.

3. Tổ chức thực hiện.

3.1. Thành lập Hội đồng tuyển sinh.

- Thành lập Hội đồng tuyển sinh gồm Ban giám hiệu, thư ký hội đồng, giáo viên, nhân viên do Hiệu trưởng ban hành ký quyết định.

3.2. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh.

- Hội đồng tuyển sinh xây dựng kế hoạch tuyển sinh, công bố công khai các văn bản tuyển sinh trước khi bắt đầu tuyển sinh.

- Tuyên truyền rộng rãi để toàn thể nhân dân trong phường nắm được nội dung và thời gian tuyển sinh.

3.3. Công tác phối hợp.

- Nhà trường chủ động phối hợp với UBND phường trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn được phân công, chủ động xây dựng kế hoạch công tác tuyển sinh năm học 2022-2023 của trường, báo cáo PGD&ĐT. Tham gia đầy đủ hội nghị hướng dẫn về công tác tuyển sinh do phòng GD&ĐT tổ chức hướng dẫn.

- Thông báo công khai tại trường tuyển sinh do UBND thị xã quy định. Phối hợp với 05 thôn hành chính: Thôn Vĩnh Thái; thôn Yên Dưỡng; thôn Thượng Thông; thôn Tân Lập; thôn Tân Yên tại địa bàn xã Hồng Thái Đông, Thông báo kế hoạch tuyển sinh lên loa phát thanh của khu từ ngày 14/07/2022 đến hết ngày 24/07/2022 chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về độ tuổi, hồ sơ, thời gian tuyển sinh.

- Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện về nhân sự và cơ sở vật chất để từng bước triển khai tuyển sinh trực tuyến vào lớp 1.

- Từng bước tuyên truyền, hướng dẫn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh chuẩn bị cho công tác triển khai tuyển sinh trực tuyến vào lớp 1.

3.4. Tổ chức tuyển sinh.

Khi tiếp nhận hồ sơ của HS, cán bộ tuyển sinh phải kiểm tra kỹ hồ sơ, đặc biệt phải kiểm tra sự trùng khớp của các thông tin về cá nhân HS như: họ tên, ngày sinh, nơi sinh....trong giấy khai sinh, hộ khẩu, nếu thấy trùng khớp cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải ghi vào mặt sau của bản sao giấy khai sinh: *“Đã kiểm tra khớp với bản chính khai sinh và hộ khẩu”* sau đó ký và ghi rõ họ tên, Hiệu trưởng ký và đóng dấu xác nhận. Bản sao giấy khai sinh có xác nhận này sẽ là căn cứ để ghi vào hồ sơ học tập, cấp văn bằng chứng chỉ cho học sinh sau này. Cán bộ tuyển sinh và BGH nhà trường phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra và xác nhận trên.

- Trong thời gian tuyển sinh, nhà trường tuyệt đối không thu hoặc vận động CMHS đóng góp các khoản ngoài quy định cho nhà trường.

- Phân công tuyển sinh:

NGÀY TRỰC	NGƯỜI TRỰC		
	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ
Từ ngày 14/7 đến 24/7/2022	Vũ quế Nga	Hiệu Trưởng	Chỉ đạo chung công tác tuyển sinh.
Từ ngày 14/7 đến 24/7/2022	Trần Thị Thu Hằng	PHT	Chỉ đạo trực tiếp công tác tuyển sinh. Chuẩn bị hồ sơ và thủ tục tuyển sinh. Báo cáo kết quả tuyển sinh Phòng GD&ĐT. Chỉ đạo tuyển sinh các thôn Vĩnh Thái.
Từ ngày 14/7 đến 24/7/2022	Phạm Thị Hương Dịu	PHT	Chỉ đạo chung. Chỉ đạo tuyển sinh thôn Yên Dưỡng.
Từ ngày 14/7 đến 24/7/2022	Hà Thị Thu Hương	TT tổ 1	Tuyển sinh thôn Tân Yên
Từ ngày 14/7 đến 24/7/2022	Phạm Thị Thúy	NV	Tổng hợp danh sách học sinh lớp 1 năm học 2022-2023.
Từ ngày 14/7 đến 24/7/2022	Bùi Thị Ly	GV	Tuyển sinh thôn Tân Lập
Từ ngày 14/7 đến 24/7/2022	Nguyễn Thị Thoa	GV	Tuyển sinh thôn Tân Lập
Từ ngày 14/7 đến 24/7/2022	Nguyễn Thị Thu Hương	GV	Tuyển sinh thôn Tân Yên
Từ ngày 14/7 đến 24/7/2022	Nguyễn Thị Thu	GV	Tuyển sinh thôn Yên Dưỡng
Từ ngày 14/7 đến 24/7/2022	Nguyễn Thị Kim Oanh	GV	Tuyển sinh thôn Thượng Thông
Từ ngày 14/7 đến 24/7/2022	Từ Thị Huyền	TKHĐ	Tuyển sinh thôn Thượng Thông
Từ ngày 14/7 đến 24/7/2022	Đỗ Thị Thúy	TTND	Tuyển sinh thôn Yên Dưỡng.

3.5. Chế độ báo cáo.

+Ngày 12/07/2022: Nhà trường công khai, tuyên truyền kế hoạch tuyển sinh trên trang Webside của trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng của phường, của trường, niêm yết tại cổng trường và khu vực tuyển sinh.

+ Ngày 25/07/2022: Nhà trường báo cáo hình hình và kết quả tuyển sinh lớp 1 tiểu học về Phòng GD&ĐT hồ sơ gồm(*Quyết định thành lập Hội đồng tuyển*

sinh; Kế hoạch tuyển sinh lớp 1 tiểu học năm học 2022-2023; Tờ trình và danh sách công nhận học sinh trúng tuyển; Hồ sơ đăng ký tuyển sinh của học sinh).

Trên đây là kế hoạch tuyển sinh lớp 1 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông năm học 2022-2023. Nhà trường đề nghị các đồng chí cán bộ giáo viên, nhân viên của trường nghiêm túc thực hiện, trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh các bộ phận xin ý kiến chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Hiệu trưởng để giải quyết./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- UBND xã Hồng Thái Đông (b/c);
- Trang Website của trường (t/h);
- CBGV, NV nhà trường (để t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Quế Nga

Số: 146/QĐ-THTHĐ

Đông Triều, ngày 11 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh lớp 1
Năm học 2022-2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒNG THÁI ĐÔNG

Căn cứ vào Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND thị xã Đông Triều về việc phân vùng tuyển sinh lớp 1, lớp 6 năm học 2022-2023;

Căn cứ Kế hoạch số 718/KH-PGDDT ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều triển khai Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 1 Tiểu học, lớp 6 THCS năm học 2022-2023;

Căn cứ Kế hoạch số 145 /KH-THHTĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Trường Tiểu học Hồng Thái Đông về việc triển khai Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2022-2023;

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn trường Tiểu học Hồng Thái Đông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tuyển sinh lớp 1 trường Tiểu học Hồng Thái Đông năm học 2022-2023 gồm các ông (bà) cán bộ, giáo viên, nhân viên có tên sau:

1. Chủ tịch Hội đồng: Bà Vũ quế Nga - Hiệu trưởng.
2. Phó chủ tịch Hội đồng: Bà Trần Thị Thu Hằng - Phó Hiệu trưởng.
3. Thư ký: Bà Từ Thị Huyền - Thư ký HĐ.
4. Các uỷ viên:
 - Bà Phạm Thị Hương Dịu - Phó hiệu trưởng
 - Bà Hà Thị Thu Hương - TT tổ 1.
 - Bà Nguyễn Thị Thu - Chủ tịch Công đoàn.
 - Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Tổ trưởng tổ 4,5.
 - Bà Phạm Thị Thúy - Tổ trưởng tổ Hành chính.
 - Bà Đỗ Thị Thúy - Trưởng ban TTND.
 - Bà Nguyễn Thị Thoa - Giáo viên tổ 01
 - Nguyễn Thu Hương - Giáo viên tổ 01

- Bùi Thị Ly

- Giáo viên tổ 01

Điều 2. Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ tuyển sinh theo đúng Quy chế của Bộ GD&ĐT, công văn hướng dẫn tuyển sinh lớp 1 và lớp 6 năm học 2022-2023 của Sở GD&ĐT, Kế hoạch tuyển sinh của Phòng GD&ĐT và Quyết định phân vùng tuyển sinh của UBND thị xã Đông Triều. Hội đồng tuyển sinh tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Bộ phận chuyên môn trường Tiểu học Hồng Thái Đông và các ông (bà) có tên trong Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT (b/c);
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Quốc Nga

Bộ, tỉnh:

Mẫu số 10b-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Hồng Thái Đông

Mã đơn vị: 1029591

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Năm 2021

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường Tiểu học Hồng Thái Đông - Mã QHNS: 1029591	222	6.998							
	1 - Đất khuôn viên	2	6.798	1.860	4.938					
	2 - Nhà	1	200	200						
	3 - Xe ô tô									
	4 - Tài sản cố định khác	219			2					217
	Tổng cộng	222	6.998							

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Vũ Quế Nga

Bộ, tỉnh:

Mẫu số 09a-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Hồng Thái Đông

Mã đơn vị: 1029591

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2021

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						37.600						
1	Đất khuôn viên												
2	Nhà												
3	Xe ô tô												
4	Tài sản cố định khác						37.600						
	Ti vi 65 inh TCL 4K	Cái	1		VN	2021	18.800						
	Ti vi 65 inh TCL 4K	Cái	1		VN	2021	18.800						
II	Tài sản giao mới												
1	Đất khuôn viên												
2	Nhà												
3	Xe ô tô												
4	Tài sản cố định khác												
III	Tài sản đi thuê												
1	Đất khuôn viên												
2	Nhà												
3	Xe ô tô												

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4	Tài sản cố định khác												
IV	Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho (nếu có)												
1	Đất khuôn viên												
2	Nhà												
3	Xe ô tô												
4	Tài sản cố định khác												
V	Tài sản có phương thức hình thành khác												
1	Đất khuôn viên												
2	Nhà												
3	Xe ô tô												
4	Tài sản cố định khác												
	Tổng cộng						37.600						

Ngàytháng năm

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)


Khúc Thị Trang

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Vũ Quốc Nga

Bộ, tỉnh:

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Hồng Thái Đông

Mã đơn vị: 1029591

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC

Năm 2021

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô													
II	Tài sản cố định khác		219	10.621.773	2.791.467	7.830.306	7.872.697							
1	Bàn làm việc	Văn phòng	1	5.800	5.800									
2	Bàn thi đấu	Văn phòng	1	5.762		5.762	5.041							
3	Bảng tương tác IQ Board	Văn phòng	1	30.000	30.000									
4	Bập bênh 4 chỗ ngồi	Văn phòng	1	24.923		24.923	19.939							
5	Bập bênh 4 chỗ ngồi	Văn phòng	1	24.923		24.923	19.939							
6	Bập bênh đứng	Văn phòng	1	20.304		20.304	16.243							
7	Bập bênh đứng	Văn phòng	1	20.304		20.304	16.243							
8	Bộ bàn ghế xoan đào	Văn phòng	1	15.000	15.000									
9	Bộ định tuyến kết nối không dây	Văn phòng	1	10.139		10.139	8.111							
10	Bộ máy tính CPU - Intel	Văn phòng	1	11.330	11.330									
11	Bộ máy tính CPU - Intel	Văn phòng	1	11.330	11.330									
12	Bộ máy tính để bàn Philip - HP ram 465	Văn phòng	1	7.800	7.800									
13	Bộ máy tính để bàn Philip - Orielt	Văn phòng	1	7.800	7.800									
14	Bộ máy tính để bàn Philip - Orielt	Văn phòng	1	7.800	7.800									
15	Bộ máy tính để bàn Philip - Orielt	Văn phòng	1	7.800	7.800									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
16	Bộ máy tính để bàn Philip - Orielt	Văn phòng	1	7.800	7.800									
17	Bộ máy tính để bàn Philip - Orielt	Văn phòng	1	7.800	7.800									
18	Bộ máy tính để bàn Philip - Orielt	Văn phòng	1	7.800	7.800									
19	Bộ máy tính để bàn Philip - Orielt	Văn phòng	1	7.800	7.800									
20	Bộ máy tính để bàn samsung - Vincom	Văn phòng	1	7.800	7.800									
21	Bộ máy tính để bàn Viewsonic - Vincom	Văn phòng	1	7.800	7.800									
22	Bộ máy tính Intel3250, ram 4gb, Ổ cứng 500Tb màn hình 2011,2	Văn phòng	1	8.965	8.965									
23	Bộ máy tính Intel3250, ram 4gb, Ổ cứng 500Tb màn hình 2011,2	Văn phòng	1	8.965	8.965									
24	Bộ máy tính Intel3250, ram 4gb, Ổ cứng 500Tb màn hình 2011,2	Văn phòng	1	8.965	8.965									
25	Bộ máy tính Intel3250, ram 4gb, Ổ cứng 500Tb màn hình 2011,2	Văn phòng	1	8.965	8.965									
26	Bộ máy tính Intel3250, ram 4gb, Ổ cứng 500Tb màn hình 2011,2	Văn phòng	1	8.965	8.965									
27	Bộ máy tính Intelcorci5, ram 8gb	Văn phòng	1	13.750	13.750									
28	Bộ máy tính Sam sung - Zip Disk driver	Văn phòng	1	7.500	7.500									
29	Bộ thiết bị làm quen KH NL	Văn phòng	1	9.732	9.732		7.786							
30	Bộ thiết bị làm quen KH NL	Văn phòng	1	9.732	9.732		7.786							
31	Bộ thiết bị làm quen KH NL	Văn phòng	1	9.732	9.732		7.786							
32	Bộ thiết bị làm quen KH NL	Văn phòng	1	9.732	9.732		7.786							
33	Bộ thiết bị làm quen KH NL	Văn phòng	1	9.732	9.732		7.786							
34	Bộ thiết bị làm quen KH NL	Văn phòng	1	9.732	9.732		7.786							
35	Bộ thiết bị làm quen KH NL	Văn phòng	1	9.732	9.732		7.786							
36	Bộ thiết bị làm quen KH NL	Văn phòng	1	9.732	9.732		7.786							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
37	Bộ thiết bị làm quen KH NL	Văn phòng	1	9.732	9.732		7.786							
38	Bộ thiết bị làm quen KH NL	Văn phòng	1	9.732	9.732		7.786							
39	Bộ vận động leo dây	Văn phòng	1	85.014		85.014	68.011							
40	Bộ vận động liên hoàn	Văn phòng	1	365.457		365.457	292.366							
41	Bục giảng điện tử TS1300	Văn phòng	1	24.000	24.000									
42	Giá treo đa năng	Văn phòng	7	48.900	48.900		42.788							
43	Máy ảnh	Văn phòng	1	8.700	8.700									
44	Máy chiếu	Văn phòng	1	21.750	21.750		17.400							
45	Máy chiếu đa năng EIKI LC - XE 21A	Văn phòng	1	17.600	17.600									
46	Máy chiếu đa năng EIKI LC - XE 21A	Văn phòng	1	17.600	17.600									
47	Máy chiếu Epson EB-592	Văn phòng	1	21.780	21.780									
48	Máy chiếu EPSON S31	Văn phòng	1	17.500	17.500									
49	Máy chiếu EPSON S31	Văn phòng	1	17.500	17.500									
50	Máy chiếu EPSON S31	Văn phòng	1	17.500	17.500									
51	Máy chiếu Mitshumitshi	Văn phòng	1	27.480	27.480									
52	Máy chiếu vật thể Epson DC - 06	Văn phòng	1	13.450	13.450									
53	Máy in 3D	Văn phòng	1	17.158		17.158	13.726							
54	Máy in Brother	Văn phòng	1	2.865	2.865									
55	Máy in ca non 3300	Văn phòng	1	5.610	5.610									
56	Máy in Recort	Văn phòng	2	11.800	11.800		9.440							
57	Máy phát điện Kipor	Văn phòng	1	23.625	23.625									
58	Máy phô tô Fujixerox	Văn phòng	1	42.500	42.500									
59	Máy phô tô LS1200	Văn phòng	1	50.000	50.000		43.750							
60	Máy tính bàn 2019	Văn phòng	1	14.440	14.440		8.664							
61	Máy tính bàn 2019	Văn phòng	1	14.440	14.440		8.664							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
62	Máy tính bàn 2019	Văn phòng	1	14.440	14.440		8.664							
63	Máy tính bàn 2019	Văn phòng	1	14.440	14.440		8.664							
64	Máy tính bàn PGD cấp 2018	Văn phòng	1	6.643	6.643		3.986							
65	Máy tính bàn PGD cấp 2018	Văn phòng	1	6.643	6.643		3.986							
66	Máy tính bàn PGD cấp 2018	Văn phòng	1	6.643	6.643		3.986							
67	Máy tính bàn PGD cấp 2018	Văn phòng	1	6.643	6.643		3.986							
68	Máy tính bàn PGD cấp 2018	Văn phòng	1	6.643	6.643		3.986							
69	Máy tính bàn PGD cấp 2018	Văn phòng	1	6.643	6.643		3.986							
70	Máy tính bàn PGD cấp 2018	Văn phòng	1	6.643	6.643		3.986							
71	Máy tính bàn PGD cấp 2018	Văn phòng	1	6.643	6.643		3.986							
72	Máy tính bàn PGD cấp 2018	Văn phòng	1	6.643	6.643		3.986							
73	Máy tính bàn PGD cấp 2018	Văn phòng	1	6.643	6.643		3.986							
74	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
75	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
76	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
77	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
78	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
79	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
80	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
81	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
82	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
83	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
84	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
85	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
86	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
87	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
88	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
89	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
90	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
91	Máy tính bảng	Văn phòng	1	8.577		8.577	6.861							
92	Máy tính HKC -Coolerplus	Văn phòng	1	7.300	7.300									
93	Máy tính LG-Coolerplus	Văn phòng	1	7.500	7.500									
94	Máy tính phòng thiết bị	Văn phòng	1	8.965	8.965									
95	Máy tính Sing PC	Văn phòng	1	5.000	5.000									
96	Máy tính Sing PC	Văn phòng	1	5.000	5.000									
97	Máy tính Sing PC	Văn phòng	1	5.000	5.000									
98	Máy tính Sing PC	Văn phòng	1	5.000	5.000									
99	Máy tính Sing PC	Văn phòng	1	5.000	5.000									
100	Máy tính Sing PC	Văn phòng	1	5.000	5.000									
101	Máy tính Sing PC	Văn phòng	1	5.000	5.000									
102	Máy tính Sing PC	Văn phòng	1	5.000	5.000									
103	Máy tính xách tay	Văn phòng	4	49.940	49.940		39.952							
104	Máy tính xách tay Acer	Văn phòng	1	8.900	8.900									
105	Máy tính xách tay Acer	Văn phòng	1	8.900	8.900									
106	Máy tính xách tay Asus	Văn phòng	1	17.800	17.800									
107	Máy tính xách tay Dell CORE i3	Văn phòng	1	13.100	13.100									
108	Máy tính xách tay Vio nhật	Văn phòng	1	22.000	22.000									
109	Máy vi tính	Hiệu trưởng	1	9.700	9.700		1.940							
110	Nhà bếp	Văn phòng	1	42.000	42.000									
111	Nhà hiệu bộ	Văn phòng	1	3.873.006		3.873.006	3.795.546							
112	Nhà học dây Đ	Văn phòng	1	2.593.716		2.593.716	2.541.842							
113	Nhà vệ sinh	Văn phòng	1	37.760	37.760									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
114	Nhà xe học sinh	Văn phòng	1	70.459	70.459									
115	Phần mềm gia hạn	Văn phòng	3	8.600	8.600		8.600							
116	Phần mềm kế toán HCSN Misa mimosa	Văn phòng	1	8.000	8.000		8.000							
117	Phần mềm quản lý tài sản	Văn phòng	1	9.000	9.000		9.000							
118	Phần mềm tạo bài giảng AP - E - Learning	Văn phòng	1	12.000	12.000		12.000							
119	Phần mềm tập huấn lớp 1	Văn phòng	1	17.400	17.400		17.400							
120	Phòng hành chính quản trị	Văn phòng	1	99.910	99.910									
121	Phòng học	Văn phòng	1	89.428	89.428									
122	Phòng học nhà 2 tầng	Văn phòng	1	1.200.000	1.200.000									
123	Robot cơ khí	Văn phòng	18	209.460		209.460	167.568							
124	Robot mi ni	Văn phòng	18	131.479		131.479	105.183							
125	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
126	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
127	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
128	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
129	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
130	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
131	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
132	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
133	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
134	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
135	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
136	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
137	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
138	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
139	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
140	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
141	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
142	Robot Wedo	Văn phòng	1	8.310		8.310	6.648							
143	Thiết bị tìm hiểu khí nén	Văn phòng	1	8.122		8.122	6.498							
144	Thiết bị tìm hiểu khí nén	Văn phòng	1	8.122		8.122	6.498							
145	Thiết bị tìm hiểu khí nén	Văn phòng	1	8.122		8.122	6.498							
146	Thiết bị tìm hiểu khí nén	Văn phòng	1	8.122		8.122	6.498							
147	Thiết bị tìm hiểu khí nén	Văn phòng	1	8.122		8.122	6.498							
148	Thiết bị tìm hiểu khí nén	Văn phòng	1	8.122		8.122	6.498							
149	Thiết bị tìm hiểu khí nén	Văn phòng	1	8.122		8.122	6.498							
150	Thiết bị tìm hiểu khí nén	Văn phòng	1	8.122		8.122	6.498							
151	Thiết bị tìm hiểu khí nén	Văn phòng	1	8.122		8.122	6.498							
152	Thiết bị tìm hiểu khí nén	Văn phòng	1	8.122		8.122	6.498							
153	Ti vi 24 inh	Văn phòng	1	12.000	12.000									
154	Ti vi 49 inh	Văn phòng	2	37.600	37.600		30.080							
155	Ti vi 65 inh TCL 4K	Trường tiểu học Hồng Thái Đông	1	18.800	18.800		15.040							
156	Ti vi 65 inh TCL 4K	Trường tiểu học Hồng Thái Đông	1	18.800	18.800		15.040							
157	Ti vi sam sung 60inh	Văn phòng	1	34.800	34.800									
158	Tủ đựng học liệu	Văn phòng	1	5.655		5.655	4.948							
159	Tủ đựng học liệu	Văn phòng	1	5.660		5.660	4.952							
160	Tủ đựng học liệu	Văn phòng	1	5.655		5.655	4.948							
161	Tủ đựng học liệu	Văn phòng	1	5.655		5.655	4.948							
162	Tủ đựng học liệu	Văn phòng	1	5.655		5.655	4.948							
163	Tủ đựng học liệu	Văn phòng	1	5.655		5.655	4.948							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
164	Tủ đựng học liệu	Văn phòng	1	5.660		5.660	4.952							
165	Tủ đựng học liệu	Văn phòng	1	5.655		5.655	4.948							
166	Tủ hấp cơm công nghiệp	Văn phòng	1	18.800	18.800		16.450							
167	Tủ sạc & quản lý thiết bị phòng học thông minh	Văn phòng	1	6.000	6.000									
168	Tủ sạc máy tính bảng	Văn phòng	1	18.225		18.225	15.947							
169	Tủ tài liệu	Văn phòng	1	7.000	7.000									
170	Tủ tài liệu	Văn phòng	1	7.000	7.000									
171	Tủ tài liệu	Văn phòng	1	6.400	6.400									
172	Tủ tài liệu	Văn phòng	1	6.400	6.400									
	Tổng cộng 1		219	10.621.773	2.791.467	7.830.306	7.872.697							

Ngàytháng năm

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Khúc Thị Trang

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Vũ Quốc Ngụ

Bộ, tỉnh:

Mẫu số 09b-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Hồng Thái Đông

Mã đơn vị: 1029591

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2021

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không g kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Đất đơn vị sự nghiệp tại Thôn Yên Dương - Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh	4.938	644.344		4.938																
2	Đất hoạt động sự nghiệp tại Xã Hồng Thái Đông - TX Đông Triều - Quảng Ninh	1.860	320.000	1.860																	
3	Dãy phòng hiệu bộ tại Xã Hồng Thái Đông - TX Đông Triều - Quảng Ninh									2007	200	97.000	52.865	200							
	Tổng cộng:	6.798	964.344	1.860	4.938						200	97.000	52.865	200							

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

A handwritten signature in blue ink, consisting of a vertical line on the left and a horizontal line extending to the right, with a small loop at the end of the horizontal line.

Khúc Thu Trang

Ngàytháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Vũ Quốc Nga

Tr- ờng tiểu học Hồng Thái Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI CHI QUÝ II/2022

(Dành cho đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

ĐVT: đồng

Sr	Chi tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu báo cáo quyết toán
A	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu		
II	Số thu nộp NSNN		
III	Số đ- ọc để lại chi theo chế độ		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà n- ớc quỹ II/2022	1,350,207,949	1,350,207,949
I	072	1,350,207,949	1,350,207,949
	Mục 6000	716.174.833	716.174.833
	Mục 6050	0	0
	Mục 6100	356.880.257	356.880.257
	Mục 6200	0	0
	Mục 6250	0	0
	Mục 6300	212.708.530	212.708.530
	Mục 6400	11.502.800	11.502.800
	Mục 6500	3.118.529	3.118.529
	Mục 6550	0	0
	Mục 6600	3.304.400	3.304.400
	Mục 6700	3.600.000	3.600.000
	Mục 6750	35.888.600	35.888.600
	Mục 6900	0	0
	Mục 7050	0	0
	Mục 9050	0	0
	Mục 7750	7.030.000	7.030.000
C	Quyết toán chi nguồn khác		

Ngày 15 tháng 06 năm 2022

Hiệu tr- ờng



Vũ Quế Nga